



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải

VTU - 24 - 2020

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải.

Đoạn luồng: Các đoạn cạn luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải.

Căn cứ Bình đồ độ sâu ký hiệu ĐC_VTTV_2004_01 đến ĐC_VTTV_2004_17, tỷ lệ 1/2.000 do đạc hoàn thành tháng 4 năm 2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu bằng mét tính từ mực nước số “0” Hải đồ như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,56km, chiều rộng luồng 310m như sau:

- Xuất hiện các điểm độ sâu 13,6m; 13,7m; 13,8m; 13,9m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
13,7	10°17'20,7" N	107°04'48,6" E	10°17'17,0" N	107°04'55,0" E
13,9	10°17'30,6" N	107°04'42,2" E	10°17'27,0" N	107°04'48,7" E
13,8	10°17'32,3" N	107°04'41,0" E	10°17'28,7" N	107°04'47,4" E
13,9	10°17'33,1" N	107°04'40,4" E	10°17'29,4" N	107°04'46,8" E
13,8	10°17'59,6" N	107°04'21,2" E	10°17'56,0" N	107°04'27,7" E
13,6	10°18'01,3" N	107°04'22,3" E	10°17'57,6" N	107°04'28,8" E
13,7	10°18'22,3" N	107°04'04,8" E	10°18'18,7" N	107°04'11,2" E
13,8	10°18'22,5" N	107°04'05,1" E	10°18'18,9" N	107°04'11,5" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “4” - 130m đến thượng lưu phao BHHH số “4” + 120m, chiều dài khoảng 250m, lần luồng xa nhất 97m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,3m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “5” - 730m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 150m, chiều dài khoảng 880m, lần luồng xa nhất 130m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,3m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “5” + 150m đến thượng lưu phao BHHH số “5” + 1020m, chiều dài khoảng 870m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng 13,8m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,6m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “12” + 1110m đến thượng lưu phao BHHH số “14” + 200m, chiều dài khoảng 1,8km, lần luồng xa nhất 54m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,7m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “14” + 290m đến hạ lưu phao BHHH số “16” - 350m, chiều dài khoảng 2,1km, lần luồng xa nhất 54m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,5m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “16” - 200m đến thượng lưu phao BHHH số “18” + 360m, chiều dài khoảng 1,5km, lần luồng xa nhất 100m, độ sâu nhỏ nhất ở giữa tim luồng đạt 13,5m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,9m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “15” - 1130m đến thượng lưu phao BHHH số “17” + 570m, chiều dài khoảng 2,9km, lần luồng xa nhất 140m, độ sâu nhỏ nhất đạt 12,5m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “17” + 570m đến thượng lưu phao BHHH số “19” + 730m, chiều dài khoảng 2,3km, lần luồng xa nhất 150m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 13,3m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ phao BHHH số “26” - 120m đến hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 560m, lần luồng xa nhất 100m, độ sâu nhỏ nhất đạt 13,0m nằm rải rác, sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0m trở lên.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu bến cảng xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5km, chiều rộng luồng 310m (nhỏ nhất 260m) như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu phao BHHH số “32” + 460m đến hạ lưu phao BHHH số “34” - 370m, chiều dài khoảng 160m, lần luồng xa nhất 33m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,5m.

- Xuất hiện điểm độ sâu 11,9m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
11,9	10 ⁰ 32’59,7” N	107 ⁰ 00’55,4” E	10 ⁰ 32’56,1” N	107 ⁰ 01’01,8” E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “35” đến thượng lưu phao BHHH số “37” + 350m, chiều dài khoảng 1,3km, lần luồng xa nhất 90m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,6m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao BHHH số “42” - 490m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1,2km, lần luồng xa nhất 130m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0m trở lên.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các



điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu để đảm bảo an toàn hàng hải./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Năng}.

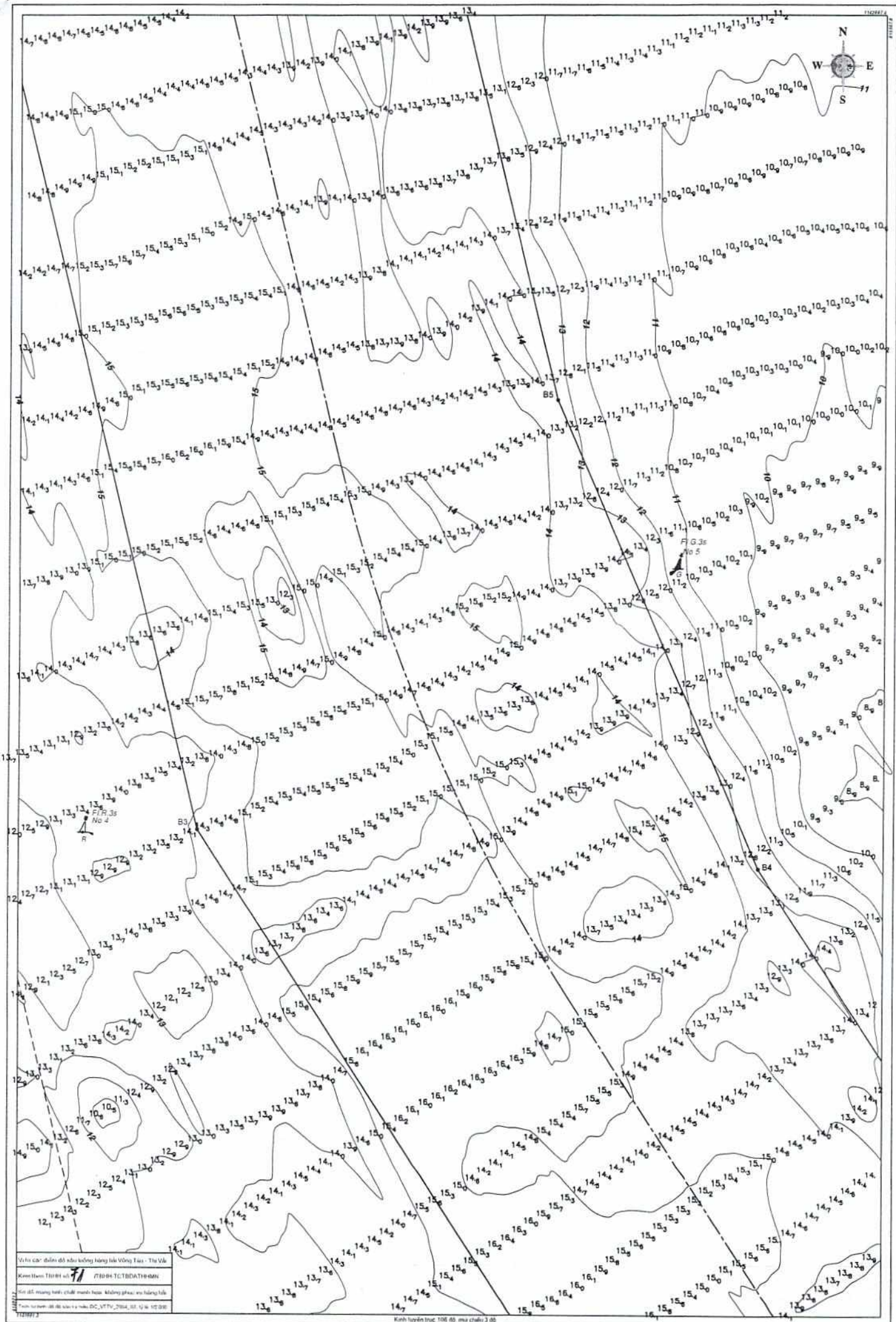
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

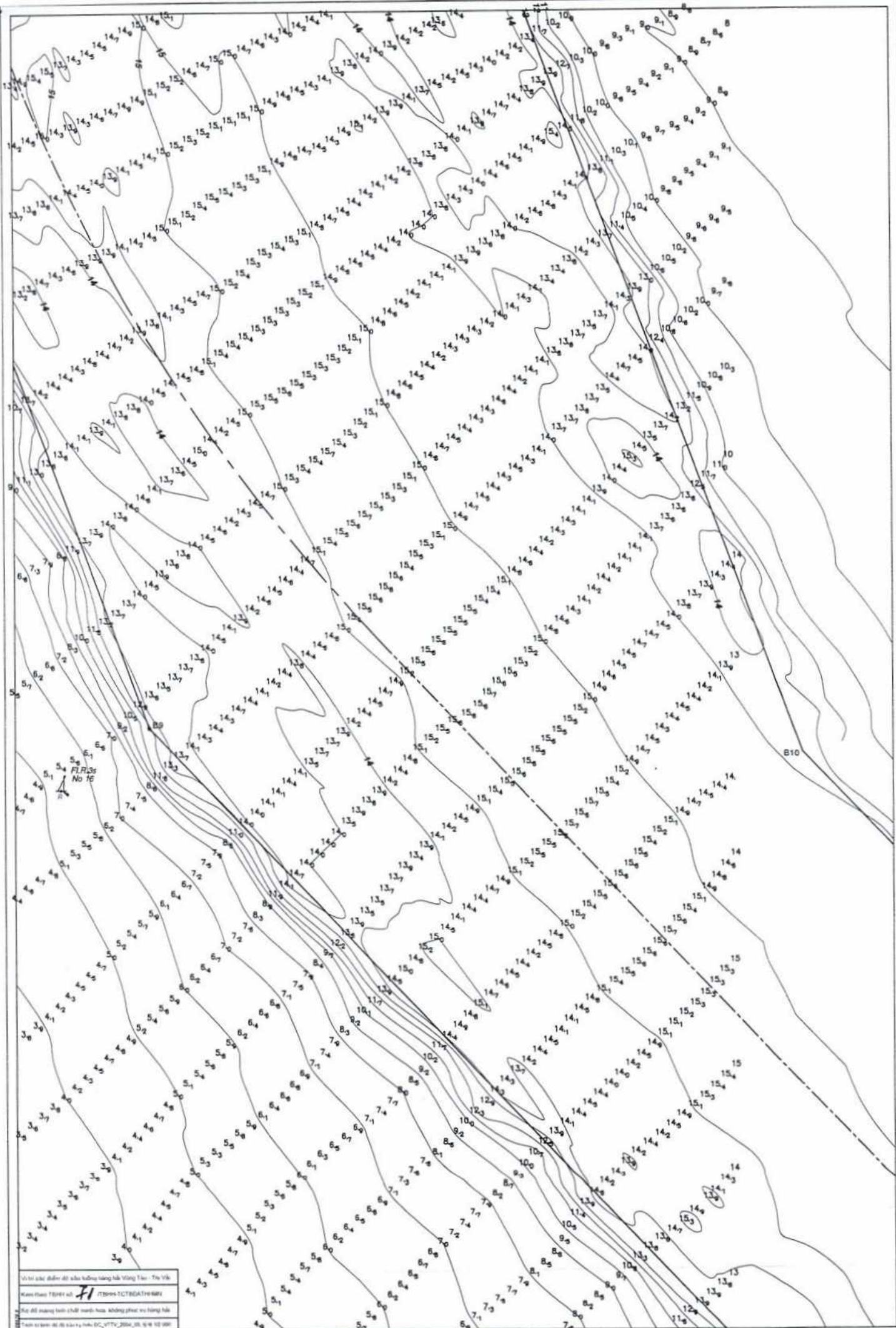
Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|---|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) |
| 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam | 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart) |
| 4 Cục Cảnh sát biển | 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển |
| 5 Chi Cục đường sông phía Nam | 17 Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 21 Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam | 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô |
| - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 27 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC) | 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 29 Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE) | 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON) | 31 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu |
| 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | 33 Sở GTVT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | 34 Sở NN&PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | |
| 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | |



10
Đ
B
H
N
Đ

Ước tính độ cao tương đương của vùng núi - Thôn
Khu vực địa hình 1:100,000
Bản đồ địa hình 1:100,000
Tỷ lệ 1:100,000
Tỷ lệ 1:100,000



379C
ĐẠI
GH
IAVU

Chỉ thị địa hình đã sửa bằng hướng dẫn Vãng Tân - Tru Vĩ
Khu vực: FI (TĐN-7CTRE(A)TRM)
Lưu ý: Bản đồ này chỉ dùng để tham khảo, không phải là tài liệu chính thức
Tên tài liệu: DĐ địa hình FI, DĐ địa hình FI, DĐ địa hình FI



đồng rai

FIR 36
No 26

B17

B18

C27



CẢNG XĂNG DẦU HẢI LINH

Vị trí các điểm đo sâu lòng hàng hải vùng biển - Th. Vải
Khu vực: TP. Hải Phòng
Số đo: 100m, 200m, 300m, 400m, 500m, 600m, 700m, 800m, 900m, 1000m
Đơn vị: mét
Tỷ lệ: 1:10000
Ngày: 10/2000